TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **123**/2024/HN-ST
Ngày: 09/4/2024
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Lê Văn Minh**
+ Bà **Trương Thị Út Mỹ**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 460/2023/TLST-HN ngày 08/12/2023 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Nguyễn Minh T**, sinh năm xxxx (xin vắng mặt),

Địa chỉ: ấp S, xã L, huyện T, tỉnh V.

Chỗ ở hiện nay: X B, phường X thành phố V, tỉnh B.

* *Bị đơn*: **Nguyễn Thị Tuyết L**, sinh năm xxxx (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày***: anh và chị L cưới nhau vào năm 2013 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cải nhau. Anh và chị L không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên anh xin được ly hôn với chị L.

Con chung có 01 con chung tên Nguyễn Trung Tín, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện đang sống với chị L. Ly hôn, anh giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sàn chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho chị L nhưng chị L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Anh T yêu cầu ly hôn với chị L và yêu cầu giao cho chị L tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trung Tín, sinh ngày xx/xx/xxxx, anh T không cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T xin ly hôn với chị L nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn". Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trú tại địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T xin ly hôn với chị L do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải nhau và anh T với chị L không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay, trong thời gian này anh T và chị L đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Chị L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh T, chứng tỏ chị L không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị L là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: có 01 chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn anh T giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh

không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T hiện đang sống ổn định với chị L và chị L cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu của anh T giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu anh không cấp dưỡng nuôi con và chị L không có trình bày ý kiến và yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp yêu cầu thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 điều 277, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Minh T.

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết L.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Nguyễn Thị Tuyết L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T và chị L có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013057 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên anh T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Long Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- Ñöông söï;
- Löu hoà sô, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên